TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2023/DS-ST Ngày 11-8-2023 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bấm

Ông Vũ Văn Khang

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Phạm Đức Huy - Thư ký Toà án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Đoàn Quảng Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 435/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 492/QĐDS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (sau đây gọi là BIDV); địa chỉ trụ sở: Tháp BIDV, số 194 T, phường L, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu Hà; địa chỉ:Số 12/1 đường T, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền số 2597/QĐ-BIDV.HP ngày 21/10/2022) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: Số 4/151 đường Đ, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17 tháng 4 năm 2015 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ký Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng, cụ thể bà V ký Hợp đồng tại BIDV với:

- Hạn mức thẻ tín dụng được cấp: 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu).

- Phương thức tính lãi: lãi được cộng dồn hàng ngày theo dư nợ của chủ thẻ và được tính theo mức lãi suất quy định của BIDV.

- Phí phạt chậm thanh toán: theo quy định của BIDV.

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Không có

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ thời điểm phát hành thẻ ngày 21/04/2015 đến tháng 06/2021, bà Nguyễn Thị V chi tiêu và thanh toán đủ số tiền tối thiểu. Tổng số tiền bà V đã trả từ thời điểm phát hành thẻ đến nay gồm:

+ Số tiền gốc là: 190.431.315 đồng;

+ Số tiền lãi là: 29.194.900 đồng;

+ Từ kỳ tháng 07/2021, bà Nguyễn Thị V đã không thực hiện trả nợ theo đúng cam kết và liên tục vi phạm các nghĩa vụ đã cam kết tại Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng như: Không trả nợ gốc và lãi vay đầy đủ, đúng hạn; không thực hiện đúng các cam kết với Ngân hàng trong việc đề xuất các phương án trả nợ khả thi, Ngân hàng nhiều lần mời lên làm việc nhưng bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi Ngân hàng nhắc nợ.

Trước khi mở phiên toà Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi phạt chậm trả: 4.078.452 đồng.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đề nghị Toà án: Buộc bà Nguyễn Thị V phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam các khoản tạm tính đến ngày 10/8/2023 là: 66.981.378 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là: 46.511.262 đồng; số tiền lãi là: 18.065.169 đồng; phạt chậm thanh toán là: 2.404.947 đồng. Toàn bộ nợ lãi phát sinh từ ngày 11/8/2023 đến thời điểm tất toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

Về án phí: BIDV đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị V không có mặt tại nơi cư trú, không có quan điểm.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt tại các phiên hòa giải và vắng mặt phiên tòa dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 90; 91; 94; 95; 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; Điều 116, Điều 117; các điều 463; 465; 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán khoản nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 10/8/2023 là 66.981.378 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc: 46.511.262 đồng; tiền lãi: 18.065.169 đồng; phạt chậm thanh toán: 2.404.947 đồng. Bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc kể từ ngày 11/8/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất được hai bên thỏa thuận. Đình chỉ đối với yêu cầu phạt chậm trả số tiền là 4.078.452 đồng. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

- Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam và cá nhân là bà Nguyễn Thị V với mục đích tiêu dùng được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Nguyễn Thị V cư trú trên địa bàn quận N, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị V không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng

xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét về áp dụng pháp luật nội dung:

[4] Việc ký kết thẻ tín dụng số 6951199 ngày 17/4/2015 giữa hai bên được xác lập vào thời điểm năm 2015; đến nay có tranh chấp nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5] Thẻ tín dụng số 6951199 ngày 17/4/2015 được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam và bên vay là bà Nguyễn Thị V vì vậy Hợp đồng là hợp pháp và làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết theo quy định tại các điều 116, 117 Bộ luật Dân sự năm 2015. Các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, thực hiện việc giải ngân theo đúng thời điểm đã thỏa thuận trong hợp đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong các điều khoản của hợp đồng. BIDV khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị V phải trả nợ gốc, nợ lãi để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị V phải thanh toán cho Ngân hàng BIDV các khoản tạm tính đến ngày 10/8/2023 số tiền là: 66.981.378 đồng, trong đó: Tiền gốc là: 46.511.262 đồng; tiền lãi là: 18.065.169 đồng; phạt chậm thanh toán là: 2.404.947 đồng.

[6] Về yêu cầu trả tiền phạt chậm trả: Nguyên đơn xin rút yêu cầu phạt chậm trả số tiền là 4.078.452 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của BIDV phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phạt chậm trả đối với số tiền là 4.078.452 đồng.

- Về án phí:

[7] Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Yêu cầu khởi kiện của BIDV được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho BIDV số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là: 66.981.378 đồng x 5% = 3.349.069 đồng.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273, điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 90; 91; 94; 95; 98 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 116, Điều 117; các điều 463; 465; 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam đối với bà Nguyễn Thị V.

1. Bị đơn bà Nguyễn Thị V phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam tổng số tiền nợ còn lại của Thẻ tín dụng 6951199 ngày 17/4/2015. Tạm tính đến ngày 10/8/2023 là 66.981.378 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc: 46.511.262 đồng; số tiền lãi: 18.065.169 đồng; phạt chậm thanh toán: 2.404.947 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị V phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả tiền phạt chậm trả là 4.078.452 đồng.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị V phải chịu 3.349.069 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho BIDV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 954.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006849 ngày 27/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hải phòng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Cường